

Số: /KH-ĐGS

Hưng Yên, ngày 17 tháng 4 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Giám sát chuyên đề tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Thực hiện Chương trình số 861/CTr-HĐND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về Hoạt động trọng tâm của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh năm 2024; Quyết định số 239/QĐ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh thành lập Đoàn giám sát với chuyên đề “Tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024” (sau đây gọi tắt là Đoàn giám sát).

Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát với những nội dung sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Thực hiện Chương trình hành động của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; trong đó giao Thường trực HĐND tỉnh tăng cường giám sát tình hình chấp hành pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát việc triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo Chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông qua hoạt động giám sát nhằm nắm bắt tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và tình hình triển khai Chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Qua đó ghi nhận những kết quả đã đạt được, chỉ rõ tồn tại hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ đó, đề xuất, kiến nghị những giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế; nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời gian tới góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

## 2. Yêu cầu

- Việc giám sát phải tuân thủ theo quy trình, quy định của pháp luật, đảm bảo sự khách quan, thiết thực, hiệu quả, đúng tiến độ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát; nội dung giám sát cần bám sát kế hoạch đề ra.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát phối hợp chặt chẽ với Đoàn giám sát chuẩn bị đầy đủ tài liệu liên quan, nội dung báo cáo theo đề cương kèm kế hoạch; bố trí địa điểm, mời các thành phần liên quan tham dự buổi giám sát; trao đổi, giải trình cung cấp tài liệu liên quan đến những vấn đề mà đoàn yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn giám sát hoàn thành nhiệm vụ, đạt mục đích, yêu cầu giám sát đặt ra.

## II. NỘI DUNG, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

### 1. Nội dung, phạm vi giám sát

#### 1.1. Nội dung giám sát

- Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 08- NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

**1.2. Thời điểm giám sát:** từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2024.

### 2. Đối tượng chịu sự giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Y tế;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Công an tỉnh;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Trong quá trình giám sát tại các sở, ngành và địa phương; Đoàn giám sát sẽ khảo sát thực tế như sau:

+ Khảo sát tại một số khu tập kết rác thải, nhà máy và khu xử lý rác, làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở y tế (*trên cơ sở phản ánh của cử tri, nắm bắt tình hình thực tế, Đoàn Giám sát sẽ có thông báo danh sách cụ thể các điểm khảo sát thực tế*).

+ Khảo sát tại các doanh nghiệp theo Danh sách gửi kèm theo tại **Phụ lục 6 (đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các**

*huyện, thị xã, thành phố làm đầu mối liên hệ khi Đoàn tổ chức khảo sát tại các đơn vị doanh nghiệp; triển khai nội dung khảo sát đến các đơn vị và đôn đốc việc xây dựng báo cáo của doanh nghiệp theo Đề cương).*

### **III. PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT**

#### **1. Chuẩn bị báo cáo Đoàn giám sát**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát căn cứ mục đích, yêu cầu và đề cương gợi ý nội dung báo cáo, xây dựng báo cáo bằng văn bản gửi về Thường trực HĐND tỉnh (*qua Ban Pháp chế HĐND tỉnh*); đồng thời gửi kèm file báo cáo về địa chỉ hộp thư điện tử [phapche.hdndhy@gmail.com](mailto:phapche.hdndhy@gmail.com) trước ngày **27/4/2024**.

#### **2. Tiến hành giám sát**

- Đoàn giám sát chia thành 02 Tổ (*có danh sách phân tổ và đơn vị giám sát kèm theo*).

- Sau khi các Tổ tiến hành giám sát xong, Đoàn giám sát tổ chức buổi làm việc với UBND tỉnh (*có Giấy mời và Chương trình làm việc cụ thể sau*).

#### **3. Báo cáo kết quả cuộc giám sát**

Kết thúc cuộc giám sát, Đoàn giám sát tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

### **IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN DỰ GIÁM SÁT**

#### **1. Thời gian và địa điểm giám sát**

Trong quý II/2024 (*Đoàn giám sát sẽ Thông báo lịch làm việc, địa điểm cụ thể đối với từng cơ quan, địa phương, đơn vị*).

#### **2. Thành phần dự, làm việc với Đoàn giám sát tại các cơ quan, đơn vị, địa phương**

- Đối với UBND tỉnh: đại diện lãnh đạo UBND tỉnh và Sở ngành liên quan;  
- Đối với các sở, ngành: đại diện lãnh đạo sở, ngành và phòng ban chuyên môn liên quan;

- Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố: mời Tổ trưởng tổ Đại biểu HĐND tỉnh trên địa bàn; Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố dự (*đề nghị UBND cấp huyện mời giúp*); Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND phụ trách lĩnh vực và các phòng, ban chuyên môn có liên quan.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Đoàn giám sát**

- Thu thập cơ sở pháp lý, thông tin, tư liệu liên quan đến nội dung giám sát; chuẩn bị tài liệu, các điều kiện đảm bảo cho Đoàn giám sát thực hiện kế hoạch giám sát;

- Đoàn giám sát triển khai chương trình giám sát, tuyên truyền về hoạt động giám sát;

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát gửi báo cáo theo nội dung yêu cầu và đúng tiến độ.

## **2. Phân công thực hiện**

### **2.1. Các thành viên Đoàn giám sát**

Chủ động, tích cực thu thập, nắm bắt thông tin về nội dung giám sát, nghiên cứu các tài liệu pháp lý và báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát; tham gia đầy đủ các buổi làm việc, tích cực chất vấn, yêu cầu giải trình để góp phần nâng cao chất lượng và thành công của buổi giám sát.

### **2.2. Ban Pháp chế HĐND tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện giám sát đảm bảo theo kế hoạch; thu thập các tài liệu liên quan gửi thành viên Đoàn giám sát, chủ trì dự thảo Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát và Thông báo kết luận giám sát của Thường trực HĐND tỉnh.

### **2.3. Các Ban: Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh**

Tham gia, phối hợp với Ban Pháp chế tham mưu Thường trực HĐND tỉnh triển khai thực hiện nội dung kế hoạch giám sát.

### **2.4. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**

- Phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh tiếp nhận các báo cáo, ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Phối hợp với các sở, ngành; Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

- Bố trí công chức tham mưu và tham gia phục vụ Đoàn giám sát, thực hiện công tác đảm bảo, tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát.

- Chỉ đạo Tổ thư ký đôn đốc việc gửi, nhận báo cáo của cơ quan đơn vị chịu sự giám sát; tham mưu, giúp việc Tổ giám sát, Đoàn giám sát chuẩn bị tài liệu, các báo cáo, Thông báo về kết quả giám sát.

### **2.5. Các cơ quan, địa phương, đơn vị chịu sự giám sát**

Tích cực, chủ động phối hợp với Đoàn giám sát; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung, kế hoạch giám sát; chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho Đoàn và giải trình các nội dung mà Đoàn yêu cầu.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về thư ký Đoàn giám sát (*Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Trưởng phòng TTDN, Điện thoại: 0978 898 499; Bà Phạm Thu Trang - Chuyên viên phòng TTDN, Điện thoại: 0975 389 682*) báo cáo Đoàn giám sát để được xem xét, giải quyết kịp thời.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh (để b/c);
- Thành phần Đoàn giám sát;
- LĐ Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các đơn vị chịu sự giám sát;
- Các Phòng thuộc VP ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG ĐOÀN**

**Lê Xuân Tiến**  
**Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh**

**DANH SÁCH PHÂN TỔ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ  
CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-ĐGS ngày 17/4/2024 của Đoàn Giám sát  
Thường trực HĐND tỉnh)

**I. TỔ GIÁM SÁT SỐ 1**

**1. Tổ trưởng:** Ông Lê Xuân Tiến, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

**2. Tổ phó:** Ông Nguyễn Trung Thành, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

**3. Thành viên**

- Ông Phạm Khắc Huân - Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ông Đoàn Khắc Thuận - Phó Trưởng Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh;
- Ông Đỗ Văn Khai - Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Trưởng phòng TTDN, thư ký;
- Bà Đinh Thị Miên - Chuyên viên phòng Công tác HĐND, thư ký.

**4. Mời tham gia Tổ giám sát**

- Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND tỉnh và đại diện Thường trực HĐND huyện, thị xã, thành phố khi Tổ giám sát tại địa phương;
- Ông Trần Đăng Anh - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (khi Tổ giám sát tại địa phương và Công an tỉnh);
- Ông Nguyễn Đức Sơn - Phó Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh (khi Tổ giám sát tại địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường).

**\* Tổ giám sát số 1 tiến hành giám sát tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã: Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Ân Thi, Tiên Lữ.**

**II. TỔ GIÁM SÁT SỐ 2**

**1. Tổ trưởng:** Bà Trần Thị Tuyết Hương, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;

**2. Tổ phó:** Ông Bùi Mạnh Hùng, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

### **3. Thành viên**

- Bà Đặng Thị Gấm - Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng Ban Văn hóa xã hội HĐND tỉnh;
- Ông Nguyễn Văn Công - Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Ông Phạm Văn Giới - Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Bà Tạ Thu Phương - Trưởng phòng Công tác HĐND, thư ký;
- Bà Phạm Thu Trang - Chuyên viên phòng TTDN, thư ký.

### **4. Mời tham gia Tổ giám sát**

- Phó trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND tỉnh và đại diện Thường trực HĐND huyện, thị xã, thành phố khi Tổ giám sát tại địa phương;
- Ông Lê Đức Lành - Trưởng phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ông Đỗ Khánh Trung - Phó Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh.

**\* Tổ giám sát số 2 tiến hành giám sát tại Sở Y tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND thành phố Hưng Yên và các huyện: Khoái Châu, Văn Giang, Phù Cừ, Kim Động.**

---

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Giám sát về tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**  
**trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024**

*(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-ĐGS ngày 17/4/2024 của Đoàn giám sát  
của Thường trực HĐND tỉnh)*

**ĐỐI VỚI UBND TỈNH**

**I. Khái quát chung**

1. Đánh giá tổng quan về hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, mức độ ô nhiễm môi trường đối với từng thành phần môi trường nước, đất, không khí trên địa bàn tỉnh

2. Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm và việc quản lý chất thải và phế liệu trên địa bàn tỉnh theo (*Phụ lục 1 và Phụ lục 2*)

**II. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai các quy định của Luật Bảo vệ môi trường**

1.1. Việc ban hành hoặc trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành văn bản để tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương; ban hành Văn bản cụ thể hóa các văn bản của Trung ương; các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy trong giai đoạn giám sát.

1.2. Việc xây dựng, hoàn thiện, ban hành các quy hoạch, kế hoạch, đề án, quy định, quy chế, quy ước về bảo vệ môi trường.

1.3. Việc quy định phân cấp, phân công và công tác phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.4. Việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường

*(Thống kê danh mục văn bản theo **Phụ lục 3** kèm theo)*

**2. Công tác chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường.**

**3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường**

3.1. Nguồn nhân lực

Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3.2. Nguồn lực tài chính

- Tổng hợp kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường trong từng năm và cả giai đoạn giám sát (trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...).

- Công tác phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn thu từ phí, lệ phí, Quỹ bảo vệ môi trường và nguồn hợp pháp khác về môi trường.

### **III. Kết quả thực hiện**

**1. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2121-2025, định hướng đến năm 2030**

**1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU**

*(Nêu cụ thể kết quả thực hiện các mục tiêu tại mục 1, phần II Nghị quyết số 08-NQ/TU - thống kê báo cáo số liệu tại **Phụ lục 4**)*

**1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU**

*(Nêu cụ thể số liệu kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại mục 2, phần II Nghị quyết số 08-NQ/TU)*

**1.3. Những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU.**

**2. Kết quả cụ thể trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn**

**2.1. Tình hình và kết quả thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường; đăng ký môi trường; cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận về môi trường (số lượng, chất lượng, kết quả...). Việc xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo thẩm quyền; công tác tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định.**

**2.2. Bảo vệ môi trường khu, cụm công nghiệp; làng nghề**

a) Bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp

*- Khái quát tình hình các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;*

*- Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp (xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại, nước thải, khí thải...);*

*- Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đã đưa vào vận hành sử dụng;*

b) Bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp

*- Khái quát tình hình các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh;*

- Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh (xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại, nước thải, khí thải...);

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục truyền dữ liệu đến cơ quan giám sát theo quy định;

c) Bảo vệ môi trường tại các làng nghề

- Khái quát tình hình các làng nghề trên địa bàn tỉnh;

- Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các làng nghề (xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại, nước thải, khí thải...);

- Tỷ lệ các làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đã đưa vào vận hành sử dụng;

- Công tác khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các làng nghề.

### **2.3. Bảo vệ môi trường đô thị, nông thôn**

a) Tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

- Các điểm nóng về ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt gây ra trên địa bàn tỉnh, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm;

- Báo cáo tình hình, kết quả thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh, đi sâu phân tích làm rõ các nội dung sau:

+ Thống kê các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn tập trung, việc triển khai các dự án nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh;

+ Hiện trạng các bãi chôn lấp xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh, cơ chế vận hành của từng bãi rác, kết quả chôn lấp xử lý rác thải của bãi rác. Tác động của bãi rác với môi trường và dân cư trong vùng;

+ Trang thiết bị thu gom xử lý rác thải tại địa phương gồm: chủng loại, số lượng, quy mô, chất lượng và hiệu quả sử dụng các trang thiết bị đó;

+ Phương thức tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu vực trung tâm huyện lỵ, khu vực nông thôn; những kết quả đạt được (kết quả tỷ lệ % chất thải sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại, rác thải y tế đã được thu gom, xử lý), những tồn tại bất cập, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Nguồn kinh phí và nhân lực để thực hiện thu gom, xử lý rác thải tại địa phương. Trong đó, làm rõ nguồn thu phí đóng góp của người dân, nguồn bổ sung của ngân sách.

- Những khó khăn vướng mắc trong công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

b) Tình hình xử lý nước thải sinh hoạt

- Lượng nước thải phát sinh; tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Đánh giá công tác tổ chức quản lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn; công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý nước thải sinh hoạt.

- Đánh giá tình hình thực hiện quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phí nước thải trên địa bàn tỉnh.

c) Tình hình quản lý, xử lý môi trường trong hoạt động chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành, nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; chính sách hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d) Đánh giá tình hình thực hiện quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phí nước thải trên địa bàn.

#### **2.4. Bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế**

a) Việc xây dựng công trình, hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải y tế.

b) Tình hình và kết quả thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế

- Thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường.

- Về quan trắc, giám sát môi trường định kỳ.

- Các cơ sở y tế gây ô nhiễm môi trường và công tác xử lý ô nhiễm.

- Kết quả quản lý, thu gom, xử lý chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại.

- Tình hình quản lý nhà nước và việc xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh; Tình hình triển khai thực hiện các dự án xử lý chất thải ở các cơ sở y tế, các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý.

*\* Thống kê tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024 theo Phụ lục 5*

#### **2.5. Công tác xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường**

Đánh giá tình hình khắc phục các điểm nóng, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm tại các lưu vực sông...

**2.6. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; đánh giá, yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật**

**3. Kết quả thực hiện Báo cáo số 708/BC-TTHĐND ngày 03/10/2024 về tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Hội nghị tiếp xúc cử tri chuyên đề thực trạng ô nhiễm môi trường và tình hình xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 387/TB-BPC ngày 24/6/2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các kiến nghị khác của các Đoàn giám sát, khảo sát của Trung ương, của các cơ quan HĐND tỉnh.**

#### **IV. Đánh giá chung**

1. Ưu điểm, kết quả đạt được
2. Tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;
- Nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường ở địa phương.

#### **V. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đối với Trung ương.
2. Đối với tỉnh.

\* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của UBND tỉnh để xây dựng báo cáo đầy đủ, chi tiết, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp, đầy đủ.*

# **ĐỐI VỚI SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG**

## **I. Khái quát chung**

1. Khái quát về chức năng, nhiệm vụ của Sở có liên quan đến việc thực hiện nội dung được giám sát.

2. Khái quát về tổ chức, bộ máy, số lượng nhân lực chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường.

3. Đánh giá tổng quan về hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, mức độ ô nhiễm môi trường đối với từng thành phần môi trường nước, đất, không khí trên địa bàn tỉnh.

## **II. Kết quả thực hiện**

### **1. Công tác tham mưu hoạt động chỉ đạo, điều hành**

1.1. Công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành và tự ban hành cụ thể hóa các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024

*(Thống kê danh mục văn bản đã ban hành theo **Phụ lục 3** kèm theo)*

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.3. Công tác tham mưu, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Kiện toàn hệ thống bộ máy quản lý nhà nước của đơn vị; phối hợp thực hiện công tác thu hút nguồn lực xã hội hóa bảo vệ môi trường.

- Việc phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

### **2. Kết quả thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh**

**2.1.** Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại mục 1, phần V, Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08- NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 *(nêu cụ thể số liệu so sánh với kế hoạch được giao)*

**2.2.** Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp (KCN), Cụm công nghiệp (CCN), làng nghề và tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp

*Đánh giá trách nhiệm thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hộ kinh doanh tại các làng nghề, trong và ngoài khu, cụm công nghiệp.*

**2.3.** Công tác quản lý các loại chất thải, nước thải đô thị, nông thôn

- Các điểm nóng về ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt gây ra tại địa phương, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm.

- Báo cáo tình hình, kết quả thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh, đi sâu phân tích làm rõ các nội dung sau:

+ *Hiện trạng các bãi chôn lấp xử lý rác thải toàn tỉnh, cơ chế vận hành của từng bãi rác, kết quả chôn lấp xử lý rác thải của bãi rác. Tác động của bãi rác với môi trường và dân cư trong vùng;*

+ *Trang thiết bị thu gom xử lý rác thải tại địa phương gồm: chủng loại, số lượng, quy mô, chất lượng và hiệu quả sử dụng các trang thiết bị đó;*

+ *Phương thức tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu vực trung tâm huyện lỵ, khu vực nông thôn; những kết quả đạt được (kết quả tỷ lệ % chất thải sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại, rác thải y tế đã được thu gom, xử lý), những tồn tại bất cập, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.*

+ *Nguồn kinh phí và nhân lực để thực hiện thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh. Trong đó làm rõ nguồn thu phí đóng góp của người dân, nguồn bổ sung của ngân sách.*

**2.4.** Công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong quản lý, bảo vệ môi trường (*đối với chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan*).

*Đánh giá việc phối hợp trong công tác quản lý môi trường giữa các cấp, các ngành. Làm rõ nguyên nhân hạn chế, vướng mắc (nếu có).*

**2.5.** Tình hình, kết quả thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường và công tác quản lý kinh phí nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (*thuộc phạm vi trực tiếp quản lý của Sở*)

**2.6.** Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

+ *Tổng số cuộc kiểm tra, tổng số cuộc thanh tra (nêu rõ số cuộc thanh tra, số cuộc kiểm tra).*

+ *Số vụ vi phạm phát hiện và kết quả xử lý các hành vi vi phạm (khởi tố hình sự, xử phạt hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả...). Đề nghị số liệu báo cáo theo từng năm.*

+ *Số tiền xử lý vi phạm và việc quản lý thu, nộp tiền phạt; cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính...*

**3. Kết quả thực hiện các Kiến nghị của các Đoàn giám sát, khảo sát của Trung ương, của các cơ quan HĐND tỉnh; các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong công tác bảo vệ môi trường; Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường**

### **III. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (kết quả đạt được trên các mặt, ví dụ: về thể chế, chính sách; kết quả tổ chức thực hiện; kết quả môi trường so với tiêu chuẩn về môi trường, nguồn lực...)

2. Hạn chế, tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (về thể chế, chính sách; tổ chức thực hiện; nguồn lực...)

3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với tỉnh.

*\* Ghi chú: Trên đây là đề cương nêu những vấn đề khái quát nhất, đề nghị đơn vị xây dựng báo cáo đầy đủ, chi tiết ở từng nội dung; bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

# ĐỐI VỚI SỞ Y TẾ

## **I. Khái quát đặc điểm, tình hình**

1. Tổng hợp số liệu các cơ sở khám, chữa bệnh; cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư, trang, thiết bị, sinh phẩm, hóa chất,... có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành. Đánh giá tình hình các cơ sở y tế thuộc đối tượng quản lý về môi trường của Sở Y tế.

2. Những thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao về công tác xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh.

## **II. Kết quả thực hiện**

### **1. Công tác tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành hoặc chỉ đạo, thực hiện theo thẩm quyền**

1.1. Công tác xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế.

*(Thống kê danh mục văn bản đã ban hành theo **Phụ lục 3** kèm theo)*

1.2. Công tác tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

### **2. Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ**

2.1. Tình hình và kết quả thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế

- Việc xây dựng công trình, hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải, nước thải y tế.

- Thực hiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

- Về quan trắc, giám sát môi trường định kỳ.

- Các cơ sở y tế gây ô nhiễm môi trường và công tác xử lý ô nhiễm.

- Công tác quản lý, thu gom, xử lý chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại.

- Tình hình quản lý nhà nước và việc xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh; Tình hình triển khai thực hiện các dự án xử lý chất thải ở các cơ sở y tế, các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Công tác quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cho hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế. Tình hình sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường được phân bổ trong giai đoạn giám sát.

2.3. Công tác phối hợp trong việc thanh, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế.

2.4. Công tác chấp hành kết luận thanh tra của các cơ sở y tế.

**3. Kết quả thực hiện các Kiến nghị của các Đoàn giám sát, khảo sát của Trung ương, của các cơ quan HĐND tỉnh; các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong công tác bảo vệ môi trường; Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường**

### **III. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được
2. Tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan.
4. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đối với Trung ương.
2. Đối với tỉnh.

*\* Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Sở để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

# ĐỐI VỚI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

## **I. Khái quát chung đặc điểm tình hình**

1. Khái quát về chức năng, nhiệm vụ của Sở được giao liên quan đến công tác bảo vệ môi trường;
2. Tổ chức, bộ máy, nhân lực của Sở bố trí cho lĩnh vực bảo vệ môi trường của tỉnh;
3. Những thuận lợi, khó khăn có tác động đến công tác bảo vệ môi trường.

## **II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Sở về công tác bảo vệ môi trường**

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại mục 4, phần V, Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08- NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

2. Công tác xây dựng và ban hành văn bản tham mưu cho UBND tỉnh về cơ chế, chính sách thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư.

3. Công tác tham mưu nội dung bảo vệ môi trường trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa phương; trong đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh; việc đảm bảo chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Việc xem xét nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định.

5. Kết quả bố trí nguồn vốn cho việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường; thẩm định các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về xử lý môi trường, các dự án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh. Đánh giá tình hình, kết quả quản lý, sử dụng, công tác thanh, quyết toán nguồn vốn được giao

6. Đánh giá những ưu điểm, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (*chủ quan, khách quan*), trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Những bất cập, vướng mắc; đề xuất, kiến nghị

*\* Đề nghị Sở thể hiện kết quả thực hiện bằng các phụ biểu. Ngoài ra, có thể báo cáo thêm những vấn đề liên quan mà Sở nhận thấy cần thiết nhưng trong đề cương chưa đề cập.*

# **ĐỐI VỚI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

## **I. Khái quát đặc điểm, tình hình**

1. Tổng hợp số liệu các cơ sở sản xuất có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành có phát sinh chất thải rắn, nước thải. Đánh giá thực trạng về công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Những thuận lợi, khó khăn có tác động đến công tác bảo vệ môi trường.

## **II. Kết quả thực hiện**

### **1. Công tác tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành hoặc chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền**

1.1. Công tác xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp.

*(Thống kê danh mục văn bản đã ban hành theo **Phụ lục 3** kèm theo)*

1.2. Công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

### **2. Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ**

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại mục 2, phần V, Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.2. Kết quả thu gom, xử lý rác thải, nước thải trong sản xuất nông nghiệp.

2.3. Đánh giá công tác giám sát việc thu gom, xử lý các loại bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón sau sử dụng trong nông nghiệp; việc áp dụng, triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xử lý, tái chế các phụ phẩm, phế thải nông nghiệp sau thu hoạch.

2.4. Nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh:

- Nguồn kinh phí được cấp; nguồn xã hội hóa.
- Công tác đầu tư trang thiết bị; hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn.
- Kết quả tổ chức thực hiện, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý khiếu nại và xử lý vi phạm pháp luật, chính sách về bảo vệ môi trường.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật.
- Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.
- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường

**III.** Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh; kết quả thực hiện các kết luận, chất vấn tại các kỳ họp của HĐND tỉnh về công tác bảo vệ môi trường (nếu có).

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Ưu điểm, kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT** (với Trung ương; với HĐND, UBND tỉnh).

\* *Ghi chú:* Ngoài các nội dung trên, có thể báo cáo thêm những vấn đề liên quan mà Sở nhận thấy rất cần thiết nhưng trong đề cương chưa đề cập.

---

# **ĐỐI VỚI BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH**

## **I. Khái quát chung**

1. Khái quát về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có liên quan đến việc thực hiện nội dung được giám sát;

2. Khái quát tình hình hoạt động tại các khu công nghiệp (về quy hoạch, về xây dựng cơ sở hạ tầng, tỷ lệ lấp đầy, số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất trong các khu công nghiệp,...).

3. Khái quát về tổ chức, bộ máy, số lượng nhân lực của cơ quan chịu trách nhiệm quản lý về công tác bảo vệ môi trường.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên trách về bảo vệ môi trường để tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

## **II. Tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo quy định**

1. Tham mưu giúp HĐND, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, bản chỉ đạo về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh.

*(Thống kê danh mục văn bản đã ban hành theo **Phụ lục 3** kèm theo)*

2. Công tác hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định bảo vệ môi trường.

3. Việc xây dựng quy chế phối hợp, công tác phối hợp bảo vệ môi trường khu công nghiệp giữa Ban quản lý các khu công nghiệp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

4. Việc huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại các khu công nghiệp.

5. Việc công khai thông tin về bảo vệ môi trường khu công nghiệp; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp.

6. Công tác phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các tranh chấp về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong khu công nghiệp hoặc với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi khu công nghiệp.

7. Việc phối hợp kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp.

8. Tình hình xử lý nước thải; quản lý chất thải rắn; kiểm soát khí thải... trong các khu công nghiệp tỉnh.

9. Về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ủy quyền như: về thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo sự ủy quyền của UBND

tỉnh, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; về việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền; ...

10. Tình hình và kết quả sử dụng kinh phí chi sự nghiệp môi trường: kết quả thực hiện từng năm trong giai đoạn giám sát; nhiệm vụ chi cụ thể; hiệu quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường.

11. Công tác báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp.

12. Kết quả thực hiện các Kiến nghị của các Đoàn giám sát, khảo sát của Trung ương, của các cơ quan HĐND tỉnh; các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong công tác bảo vệ môi trường; Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường

### **III. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp.

3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan.

4. Nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới.

### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với tỉnh.

\* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Ban để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

# **ĐỐI VỚI CÔNG AN TỈNH**

## **I. Khái quát chung**

1. Tình hình tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ thực hiện các nhiệm vụ được pháp luật giao trong công tác bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá khái quát về đối tượng quản lý thuộc thẩm quyền trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

## **II. Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường**

### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Công tác tham mưu giúp HĐND, UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện của ngành

*(Thông kê danh mục văn bản đã ban hành theo **Phụ lục 3** kèm theo)*

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường đến các đối tượng quản lý.

c) Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường.

### **2. Về nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống tội phạm về môi trường (nguồn lực con người, nguồn lực tài chính)**

### **3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường**

#### **3.1. Về công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm hành chính**

- Tổ chức thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường;

- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, huy động thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường;

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu để phục vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường;

- Về việc tham gia hoạt động ứng phó sự cố môi trường, bảo vệ tài nguyên, phòng, chống ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;

- Công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; tiến hành điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định của pháp luật, chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài liệu, hồ sơ vụ việc liên quan tới các vi phạm pháp luật về môi trường để thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật

3.2. Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường; xử lý các vi phạm hành chính

*Tổng số cuộc kiểm tra, số hành vi vi phạm, hình thức xử lý, Việc chấp hành kết quả kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về môi trường của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh*

3.3. Công tác phối hợp với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm định, giám định phục vụ xác minh, phát hiện, xử lý tội phạm và vi phạm hành chính

3.4. Công tác phối hợp trong phòng chống tội phạm và vi phạm hành chính

*Đánh giá công tác phối hợp với các Sở, ngành, địa phương trong việc cung cấp thông tin về kết quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.*

**4. Kết quả thực hiện các kiến nghị của các Đoàn giám sát, khảo sát của Trung ương, của các cơ quan HDND tỉnh; các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong công tác bảo vệ môi trường; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường**

### **III. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được.

2. Tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp.

3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan.

4. Nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới.

### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với tỉnh.

\* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của Công an tỉnh để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

# ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN

## **I. Khái quát chung**

1. Đánh giá khái quát về hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn (*môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất...*)

2. Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm và việc quản lý chất thải và phế liệu trên địa bàn theo **Phụ lục 1 và Phụ lục 2**

3. Đánh giá khái quát về đối tượng quản lý thuộc thẩm quyền trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

## **II. Công tác chỉ đạo, điều hành**

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai các quy định của Luật Bảo vệ môi trường

Việc ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản để tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường ; ban hành Văn bản cụ thể hóa các văn bản của Trung ương; các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy

(*số lượng, nội dung Văn bản đã ban hành đề nghị thống kê chi tiết theo **Phụ lục 3***)

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

3.1. Nguồn nhân lực

Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3.2. Nguồn lực tài chính (*kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường trong từng năm và cả giai đoạn giám sát, trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...*).

**III. Tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố**

1. **Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2121-2025, định hướng đến năm 2030**

1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU

(*Nêu cụ thể kết quả thực hiện các mục tiêu tại mục 1, phần II Nghị quyết số 08-NQ/TU – thống kê báo cáo số liệu tại **Phụ lục 4***)

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU

*(Nêu cụ thể số liệu kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại mục 2, phần II Nghị quyết số 08-NQ/TU)*

1.3. Nêu cụ thể số liệu kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại mục 18, phần V, Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08- NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

1.4. Những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU.

## **2. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường**

2.1. Tình hình, kết quả việc cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường theo thẩm quyền

2.2. Công tác hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp

2.3. Công tác quản lý nhà nước về xử lý rác thải, chất thải, nước thải

- *Đánh giá, dự báo nguồn phát thải rác sinh hoạt và lượng phát thải.*

- *Công tác phân loại, lưu trữ tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt.*

- *Công tác quản lý, tổ chức thu gom, xử lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp.*

- *Công tác quản lý, sử dụng nguồn thu phí vệ sinh, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ đã thực hiện để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý.*

- *Tình hình xử lý chất thải, nước thải của Trung tâm y tế địa phương.*

- *Tình hình thu gom và xử lý rác thải tại các chợ.*

***\* Thống kê tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn giai đoạn 2021-2024 theo Phụ lục 5***

2.4. Việc chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Về việc xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn cấp xã; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh giá thôn, khu dân cư và gia đình văn hóa;

- Về việc quản lý hoạt động của thôn, tổ dân phố về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn; phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân;

- Về việc chủ trì, phối hợp với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư...

2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

+ Tổng số cuộc kiểm tra, tổng số cuộc thanh tra (*nêu rõ số cuộc thanh tra, số cuộc kiểm tra*).

+ Số vụ vi phạm phát hiện và kết quả xử lý các hành vi vi phạm (*khởi tố hình sự, xử phạt hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả...*). Đề nghị số liệu báo cáo theo từng năm.

+ Số tiền xử lý vi phạm và việc quản lý thu, nộp tiền phạt; cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính...

+ Việc xem xét trách nhiệm của người đứng đầu và người được giao nhiệm vụ thực thi nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ môi trường.

**3. Công tác phối hợp với các địa phương khác trong giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện; phối hợp với các Sở, ngành có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường**

*Nêu cụ thể một số mặt công tác quản lý về: chất thải tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chất thải tại các khu dân cư; bảo vệ nguồn nước...*

#### **4. Nguồn lực bảo vệ môi trường**

- Nguồn lực về con người

- Nguồn lực tài chính.

**5. Công tác thu phí, lệ phí liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.**

**6. Công tác xử lý, phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.**

**7. Kết quả thực hiện các kiến nghị của các Đoàn giám sát, khảo sát của Trung ương, của các cơ quan HĐND tỉnh; các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong công tác bảo vệ môi trường; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường**

#### **IV. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (về thể chế, chính sách; tổ chức thực hiện, kết quả; nguồn lực...).

2. Tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố (về thể chế, chính sách; tổ chức thực hiện; nguồn lực)

3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan.

4. Biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong thời gian tới.

#### **V. Kiến nghị, đề xuất**

**1. Đối với Trung ương.**

**2. Đối với tỉnh.**

\* *Ghi chú: Trên đây là những nội dung gợi ý chung, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện để xây dựng báo cáo, bổ sung các phụ lục kèm theo báo cáo cho phù hợp.*

## **ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

---

### **I. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tóm lược quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp.
2. Lĩnh vực, ngành nghề hoạt động; tổng quan về tình hình tổ chức và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Tóm tắt những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

### **II. Kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp, cán bộ, công nhân và người lao động trong doanh nghiệp về pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá kết quả thực hiện bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, trong giai đoạn được giám sát; trong đó tập trung một số lĩnh vực sau:

- Xử lý nước thải công nghiệp, nước thải mặt;
- Xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại;
- Xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường;
- Việc nộp phí bảo vệ môi trường....

3. Hồ sơ, thủ tục về lập, phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện phương án xử lý tác động môi trường đối với Dự án do doanh nghiệp triển khai (có các tài liệu kèm theo).

4. Việc đầu tư các trang, thiết bị bảo vệ, kiểm soát, xử lý nguồn gây ô nhiễm môi trường.

5. Việc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, với các doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường.

6. Việc kê khai, nộp thuế, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải công nghiệp theo quy định của pháp luật;

7. Kết quả thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng; việc chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và khắc phục hậu quả về môi trường (nếu có). Tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường (nếu có);

8. Hoạt động báo cáo việc chấp hành về bảo vệ môi trường đến cơ quan quản lý

9. Đánh giá chung những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; nguyên nhân khách quan và chủ quan; giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém trong thời gian tới.

### **III. Đề xuất và kiến nghị**

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với HĐND, UBND tỉnh; các Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.

*\*Ghi chú: Trên đây là Đề cương báo cáo những nội dung chính, Doanh nghiệp có thể bổ sung vào Báo cáo những nội dung chi tiết thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường. Trong quá trình giám sát, Đoàn giám sát có thể yêu cầu doanh nghiệp báo cáo thêm một số nội dung khác có liên quan phục vụ cho nội dung giám sát.*





TT	Địa phương/Tên nghề	Địa chỉ	Kết quả bảo vệ môi trường làng nghề					Số cơ sở, HGD sản xuất trong làng nghề thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển/ tổng số lượng cơ sở, HGD sản xuất trong làng nghề	Các vấn đề môi trường chính	
			Phương án bảo vệ môi trường (có/ không)	Tổ chức tự quản (có/ không)	Hạ tầng bảo vệ môi trường					Số CSSX, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT hoặc theo quy định của UBND cấp tỉnh
					Hệ thống thu gom nước mưa	Hệ thống thu gom nước thải và XLNT tập trung	Điểm tập kết chất thải rắn /khu xử lý chất thải rắn/phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn			
	Toàn tỉnh									
1	TP Hưng Yên									
2	Kim Động									
3	Tiên Lữ									
4	Ân Thi									
5	Phù Cừ									
6	Yên Mỹ									
7	Mỹ Hào									
8	Khoái Châu									
9	Văn Giang									
10	Văn Lâm									

**Bảng 5. Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường**

TT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận BVMT; GPMT (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thải phát sinh theo GP/ĐTM (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Hệ thống quan trắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m <sup>3</sup> /giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)



**Phụ lục 2**  
**Quản lý chất thải và phế liệu**

**Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày) Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							

**Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

**Bảng 3. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại**

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						

**Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn**

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTRCNTT, CTNH (tấn/ngày)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						

**Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)**

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...) (tấn)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					

**Phụ lục 3**

**Danh mục văn bản đã ban hành hoặc tham mưu ban hành để thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024**

<b>STT</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Số văn bản</b>	<b>Trích yếu</b>	<b>Ghi chú</b>

**Phụ lục 4**  
**Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể**  
**của Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Về môi trường công nghiệp</b>		
	- Tỷ lệ (%) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường		
	- Tỷ lệ (%) dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu về BVMT		
	- Tỷ lệ (%) chất thải nguy hại được xử lý an toàn theo quy định		
<b>2</b>	<b>Về bảo vệ môi trường công nghiệp, nông thôn, làng nghề</b>		
	- Tỷ lệ (%) chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý		
	- Tỷ lệ (%) số hộ gia đình nông thôn thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình		
	- Tỷ lệ (%) làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để		
<b>3</b>	<b>Về môi trường đô thị, y tế</b>		
	- Tỷ lệ (%) chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý		
	- Tỷ lệ (%) chất thải rắn, nước thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường		
<b>4</b>	<b>Về thích ứng với biến đổi khí hậu</b>		

**Phụ lục 5**  
**Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn giai đoạn 2021-2024**

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng xử lý	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Chất thải rắn sinh hoạt</b>					
	<b>Toàn tỉnh</b>					
1	TP Hưng Yên					
2	Kim Động					
3	Tiên Lữ					
4	Ân Thi					
5	Phù Cừ					
6	Yên Mỹ					
7	Mỹ Hào					
8	Khoái Châu					
9	Văn Giang					
10	Văn Lâm					
<b>II</b>	<b>Chất thải rắn công nghiệp thông thường</b>					
	<b>Toàn tỉnh</b>					
1	TP Hưng Yên					
2	Kim Động					
3	Tiên Lữ					
4	Ân Thi					
5	Phù Cừ					
6	Yên Mỹ					
7	Mỹ Hào					

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng xử lý	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Khoái Châu					
9	Văn Giang					
10	Văn Lâm					
<b>III</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>					
	<b>Toàn tỉnh</b>					
1	TP Hưng Yên					
2	Kim Động					
3	Tiên Lữ					
4	Ân Thi					
5	Phù Cù					
6	Yên Mỹ					
7	Mỹ Hào					
8	Khoái Châu					
9	Văn Giang					
10	Văn Lâm					
<b>IV</b>	<b>Chất thải y tế nguy hại</b>					
	<b>Toàn tỉnh</b>					
1	TP Hưng Yên					
2	Kim Động					
3	Tiên Lữ					
4	Ân Thi					
5	Phù Cù					
6	Yên Mỹ					
7	Mỹ Hào					

<b>TT</b>	<b>Loại chất thải</b>	<b>Khối lượng phát sinh</b>	<b>Khối lượng thu gom, vận chuyển</b>	<b>Khối lượng xử lý</b>	<b>Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>
8	Khoái Châu					
9	Văn Giang					
10	Văn Lâm					

**Phụ lục 6**  
**Danh sách doanh nghiệp tổ chức khảo sát về tình hình thực hiện quy định  
bảo vệ môi trường**

<b>STT</b>	<b>TÊN DOANH NGHIỆP</b>	<b>ĐỊA CHỈ</b>
1	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Tuấn Thịnh Phát	Xã Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên
2	Công ty Cổ phần nhựa Hưng Yên	Phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên
3	Công ty TNHH Hanesbrands Việt Nam	Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động
4	Công ty TNHH Taeyang Việt Nam	Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động
5	Công ty Cổ phần Tiên Hưng	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ
6	Công Ty TNHH Thiên Sơn Hưng Yên	Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ
7	Công ty Cổ phần ABC	Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù
8	Công ty Cổ phần dệt may Kim Toan	Xã Tống Trân, huyện Phù Cù
9	Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu
10	Công ty Cổ phần Minh Anh Khoái Châu	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu
11	Công ty Cổ phần đầu tư SVIETNAM	Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi
12	Công ty TNHH may mặc dệt kim Smart Shirt Việt Nam	Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi
13	Công ty Cổ phần Daesang Đức Việt	Xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ
14	Công ty Cổ phần công nghệ Tecomen	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ
15	Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Barrett	Xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào
16	Công ty TNHH vật liệu mới Lợi Đạt	KCN Phố Nối A, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào
17	Công ty TNHH Toko Việt Nam	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm
18	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Minh Ngọc	KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm
19	Công ty Cổ phần Minh An	Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
20	Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống quốc tế	Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang

